TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐƠN DƯƠNG** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 08 – 4 - 2022
V/v: *"Tranh chấp xin ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Minh Nhựt;**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **LĐL–** Chủ tịch Hội luật gia huyện Đ D, tỉnh Lâm Đồng;

2/ Bà **NTTH–** Chủ tịch HLHPN xã LL huyện DDtỉnh Lâm Đồng.

Thư ký phiên tòa: Bà **LTP**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện DD tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương tham gia phiên tòa:

Bà **PTL**- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện DDtỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 197/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2021 về việc: "*Tranh chấp xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXX-ST ngày 07 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST - DS ngày 21/3/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị HNTT, sinh năm: 1990; Địa chỉ: NAN,P6,ĐL, tỉnh Lâm Đồng

Bị đơn: Anh ĐPT, sinh năm: 1988; Địa chỉ: 80a PNT,TDP NH,TTTM, huyện DDtỉnh Lâm Đồng.

(Chị T, anh T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quá trình hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị HNTT trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh ĐPT yêu thương tự nguyện kết hôn chung sống cùng nhau từ năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LXvào ngày 10/5/2018. Vợ chồng chung sống không có hạnh phúc do đôi bên bất đồng quan điểm sống. Anh T sống không có trách nhiệm với gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ con. Tiền bạc kinh tế trong gia đình đều do chị tự lo, anh T không đưa tiền cho chị lo cho con, bản thân anh T làm được bao nhiên tiền chị cũng không biết, anh T không chia sẻ công việc với chị. Cuộc sống chung giữa chị và anh T không có tiếng nói chung, độc lập về kinh tế, con cái do tự bản thân chị làm nuôi con, anh T không có trách nhiệm. Chính vì vậy, chị và anh T thường xuyên cải vã nhau, tình cảm vợ chồng dần có khoảng cách, hai bên đã sống ly thân từ năm 2019

cho đến nay, không ai quan tâm gì đến nhau. Tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn anh ĐPT.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh ĐPT trình bày: Anh xác định lời khai của chị HNTT về thời gian vợ chồng kết hôn chung sống hạnh phúc là đúng. Vợ chồng chung sống có cãi nhau, do làm ăn kinh tế khó khăn nên anh không có điều kiện kinh tế lo cho chị T và con. Từ đó, chị T có ý kiến nên vợ chồng hay mâu thuẫn cãi vả nhau, tình cảm vợ chồng dần có khoảng cách. Chị T không thông cảm chia sẻ cho công việc của anh, hay trách móc giận hờn. Chị T tự ý tách ra sống riêng, hai bên đã ly thân tính đến nay đã gần hai năm. Thời gian sống ly thân, hai bên không quan tâm, liên lạc gì với nhau. Anh xác định giữa anh và chị T không thể hàn gắn lại với nhau, nhưng anh không muốn ly hôn vì sợ ảnh hưởng đến con.

- *Về con chung*: Chị HNTT và anh ĐPT thống nhất xác nhận trong thời gian chung sống hai bên có 01 con chung tên: ĐMT, sinh ngày: 25/8/2018 hiện do chị T nuôi dưỡng.

Chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu ĐMT và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh ĐPT đồng ý giao cháu ĐMT cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh yêu cầu được quyền thăm nom con và mọi vấn đề liên quan đến con chung chị T phải báo cho anh biết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, chị T và anh T xác nhận trong thời gian chung sống hai bên không có tài sản chung và không nợ chung ai, thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề tài sản chung và nợ chung trong vụ án này.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐĐ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến cho rằng trong quá trình tố tụng, Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của luật tố tụng; đồng thời đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị HNTT; cho chị HNTT và anh ĐPTT ly hôn; về con chung đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của chị T và anh T giao cháu ĐMT cho chị HNTT tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục; về phần cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu nên không xem xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Ý kiến của kiểm sát viên, nguyên đơn, bị đơn; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án *"Tranh chấp xin ly hôn"* giữa nguyên đơn chị HNTT và bị đơn anh ĐPT thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- ***Về quan hệ hôn nhân*:** Xét quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T là hợp pháp. Hôn nhân dựa trên cơ sở tự nguyện yêu thương, tự nguyện kết hôn chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã LXvào ngày 10/5/2018. Quá trình chung sống, hai bên có thời gian chung sống hạnh phúc ngắn đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do không có tiếng nói chung trong cuộc sống dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không mang lại hạnh phúc. Hai bên đã sống ly

thân, không quan tâm đến nhau từ năm 2019 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn nên chị T xin được ly hôn anh ĐPT. Phía anh T cũng xác định vợ chồng không thể hàn gắn nhưng anh không đồng ý ly hôn là không muốn ảnh hưởng đến con. Tại phiên tòa, chị T cương quyết xin ly hôn anh T vì tình cảm vợ chồng không còn. Hội đồng xét xử nhận thấy, hiện nay quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T chỉ tồn tại trên mặt pháp lý, thực tế hai bên đã có mâu thuẫn và đã sống ly thân. Chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị T và anh T đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu có níu kéo cho hai bên về chung sống cũng không mang lại hạnh phúc. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn với anh T là phù hợp với thực tế và phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện của chị T và anh T giao cháu ĐMT sinh ngày 25/8/2018 cho chị HNTT tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục; về phần cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu nên không xem xét đến.

- Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T và anh T đều xác định hai bên không có tài sản chung, không có nợ chung và thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy không xem xét đến.

- Về án phí: chị HNTT phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 3 Điều 36; Khoản 1 Điều 39; Các Điều 175, 177, 179,207, 220, 227, 228, 235, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị HNTT.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị HNTT và anh ĐPT ly hôn. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 38/2018 ngày 10/5/2018 tại UBND xã Lạc Xuân, huyện Đơn Dương chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu ĐMT, sinh ngày: 25/8/2018 cho chị HNTT tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh ĐPT không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con, quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị HNTT phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng do chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0003573 ngày 11/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương. Anh ĐPT không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bên đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKS huyện Đơn Dương;
- THA dân sự huyện Đơn Dương;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Minh Nhựt